

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 12-7-2019
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hai

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Bích H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: 204B, chung cư 2-3 Hòa Bình, khu phố 3, phường K, B, Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Nhật T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 805/2/12, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Phạm Thị Bích H có mặt, ông Lê Nhật T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018 và tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Nhật T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh An Giang, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu khoảng 02 năm về sau không hạnh phúc do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, say sưa về kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập vợ con và dọa giết bà. Sau nhiều lần được người nhà và gia đình khuyên giải nhưng ông T vẫn không thay đổi. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Phạm Nhật V, sinh ngày 24/01/2017. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông Lê Nhật T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Lê Nhật T trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Bích H kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh An Giang, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Ngày 29/12/2018, ông đi làm về có đi nhậu, sau đó ông cãi lộn với bà H, xảy ra nóng giận, đánh vợ. Sau đó vợ bỏ đi từ hôm đó cho đến nay. Kính mong Tòa án cho vợ chồng có thời gian hàn gắn, đoàn tụ với nhau để cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con vì con còn nhỏ nên ông không muốn ly hôn. Nếu vợ chồng ly hôn sau này con ông không cha không mẹ sẽ rất khổ, không ai nuôi dạy sẽ gặp bạn bè xấu. Nay bà H xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà H, không muốn gia đình đổ vỡ, kính nhờ Tòa án hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng ông bà. Ông xin hứa với vợ con, sau này sẽ kiềm chế lại bản thân, mong được một cơ hội sửa đổi những lỗi lầm ông đã gây ra cho bà H, sẽ cố gắng lo làm ăn để lo cho vợ con.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Phạm Nhật V, sinh ngày 24/01/2017. Nếu Tòa xử lý cho ly hôn ông đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bích H. Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Nhật V cho bà Phạm Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Lê Nhật T không cấp

dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà Phạm Thị Bích H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Lê Nhật T nhưng ông Lê Nhật T vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Nhật T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2016 ngày 18/01/2016 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bích H, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Nhật T mâu thuẫn là có thật nguyên nhân do ông T có đi nhậu, sau khi về vợ chồng có cãi nhau và ông T có đánh bà H. Theo ông T vẫn còn thương vợ con mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó Tòa án tiến hành triệu tập ông T và bà H đến Tòa án để tiến hành hòa giải thì ông T không đến. Mặt khác, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà H cũng đã chuyển đi nơi khác sinh sống và không còn chung sống với ông T. Theo biên bản xác minh tại địa phương thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T. Tại phiên tòa, bà H vẫn cương quyết xin ly hôn và xác định không còn tình cảm gì với ông T. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Nhật T đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà Phạm Thị Bích H xin ly hôn với ông Lê Nhật T là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bích H, cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Nhật T.

[3]Về con chung: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Nhật T có 01 con chung là cháu Lê Phạm Nhật V, sinh ngày 24/01/2017. Khi ly hôn, bà Phạm Thị Bích H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông Lê Nhật T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn bà Phạm Thị Bích H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông Lê Nhật T cấp dưỡng. Ông Lê Nhật T không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa xử lý ly hôn theo quy định thì ông cũng đồng ý để bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, cháu V cũng chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, giao cháu V cho

bà Phạm Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cháu. Tạm thời ông Lê Nhật T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Nhật T trình bày không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]Về nợ chung: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Nhật T trình bày không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]Về án phí: Bà Phạm Thị Bích H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bích H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Nhật T.

Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Nhật V, sinh ngày 24/01/2017 cho bà Phạm Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Nhật T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Lê Nhật T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Phạm Thị Bích H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004033 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Phạm Thị Bích H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Nhật T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã S,
huyện G, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến